

Số: 173. /BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo năm học 2022 – 2023

Thực hiện kế hoạch số 119/KH-ĐHHL ngày 2/6/2023 của Trường Đại học Hoa Lư về việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo năm học 2022-2023. Kết quả cụ thể như sau:

1. Quá trình tổ chức thực hiện

Phòng Quản lý chất lượng đã tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo năm học 2022 – 2023 (số 119/KH-ĐHHL ngày 2/6/2023). Kế hoạch được xây dựng cụ thể, chi tiết. Nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân liên quan được quy định rõ ràng, gắn với mốc thời gian cụ thể. Phòng Quản lý chất lượng đã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện một số nội dung sau:

- Điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát: Phiếu khảo sát lấy ý kiến được điều chỉnh các nội dung sau: Thứ nhất về thang đo 5 mức độ (Không đồng ý, Đồng ý một phần, Phân vân, Đồng ý, Hoàn toàn đồng ý), được thay thế bằng thang đo 5 mức (Hoàn toàn không đồng ý, Không đồng ý, Phân vân, Đồng ý, Hoàn toàn đồng ý); Thứ hai là số lượng câu hỏi trong phiếu khảo sát được giảm xuống còn 24 câu (giảm 8 câu so với năm học trước) trong đó có lược bỏ một số câu hỏi liên quan đến chương trình đào tạo. Sau khi điều chỉnh nội dung đã tiến hành thiết kế phiếu khảo sát trực tuyến trên Google Forms, gửi đường link đến cán bộ giảng viên.

- Phổ biến kế hoạch đến cán bộ giảng viên: Phòng Quản lý chất lượng cùng với các khoa/bộ môn đã thực hiện phổ biến kế hoạch đến các giảng viên; Triển khai thực hiện khảo sát tới cán bộ giảng viên từ ngày 02/6/2023 đến hết ngày 20/06/2023, thường xuyên theo dõi, đôn đốc giảng viên tích cực tham gia trả lời phiếu khảo sát.

2. Nội dung khảo sát

Phiếu khảo sát gồm 24 câu hỏi, gồm 3 nội dung cơ bản:

Nội dung 1: Việc tổ chức, hỗ trợ của các khoa/bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo phân công chuyên môn (D12, D13, D14, D15, C27, C28): Từ câu 1.1 → 1.6

Nội dung 2: Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên của các đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm. Từ câu 2.1 → 2.10

Nội dung 3: Khảo sát về sự hài lòng của giảng viên khi làm việc với các Phòng/Ban/Trung tâm.

Câu hỏi mở: Các ý kiến đề xuất khác.

Đánh giá mức độ đồng ý của giảng viên theo 5 mức:

1. Hoàn toàn không đồng ý
2. Không đồng ý
3. Phân vân.
4. Đồng ý
5. Hoàn toàn đồng ý

3. Hình thức khảo sát: Khảo sát trực tuyến qua Google Form.

4. Kết quả khảo sát

4.1. Đánh giá chung

Theo số liệu tổng hợp đã có 110 lượt phản hồi của giảng viên tham gia giảng dạy các Khoa, Phòng, Bộ môn trong Trường. Kết quả đánh giá của giảng viên theo các mức độ trong thang đo được tổng hợp các nội dung như sau:

Bảng 1: Mức độ đánh giá về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo của giảng viên theo đơn vị

Đơn vị	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Ghi chú
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
Khoa Kinh tế	0	0%	2	0.4%	15	3.0%	208	41,3%	279	55.4%	
Khoa Sp TH-MN	3	1,0%	0	0%	14	4.6%	147	48.2%	141	46.2%	
Khoa Sp Trung học	0	0%	0	0%	32	4.9%	261	40.3%	355	54.8%	
Khoa Ngoại ngữ- CNTT	0	0%	1	0.3%	12	3,1%	204	53.1%	167	43.5%	
Bộ môn Tâm lý-GDTC	2	1.7%	6	5.0%	14	11.7%	52	43.3%	46	38.3%	

Bộ môn Lý luận chính trị	0	0%	0	0%	15	5.7%	143	54.2%	106	40.2%	
Trung tâm TVTB	0	0%	1	1.4%	5	6.9%	37	51.4%	29	40.3%	
Phòng QLCL	0	0%		0%	4	5.6%	36	50.0%	32	44.4%	
Trung tâm NNTH	0	0%	0	0%	17	11.8%	51	35.4%	76	52.8%	
Khoa Văn hóa- Du lịch	0	0%	0	0%	0	0%	40	41.7%	56	58,3%	
Toàn Trường	5	0.2%	10	0.4%	128	4,9%	1179	45.2%	1287	49.3%	

Bảng 2: Đối sánh tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý qua các năm

Mức đánh giá	Năm học			Ghi chú
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
Đồng ý và hoàn toàn đồng ý	93.25%	94.05%	94.52%	

Từ kết quả Bảng 1 cho thấy, hầu hết giảng viên đồng ý với các câu hỏi trong phiếu khảo sát, thể hiện qua tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” ở mức rất cao tương ứng là 45,2% và 49,3%. Bảng 2 tổng hợp đối sánh số liệu trong 3 năm thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến giảng viên về hoạt động phục vụ hỗ trợ đào tạo cho thấy tỷ lệ giảng viên đánh giá ở mức “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” có xu hướng tăng dần qua các năm, qua đó thể hiện chất lượng các CTĐT đang ngày càng được hoàn thiện hơn, trách nhiệm, vai trò của giảng viên trong việc rà soát, chỉnh sửa và thực hiện giảng dạy cho các CTĐT cũng cao hơn, công tác phục vụ, hỗ trợ đào tạo của các đơn vị trong nhà trường được cải thiện nhằm đảm bảo thuận lợi cho giảng viên giảng dạy và nghiên cứu.

4.2. Đánh giá theo từng nội dung khảo sát

Đánh giá mức độ đồng ý theo từng nội dung khảo sát được tổng hợp từ đánh giá của giảng viên tại các đơn vị trong nhà trường với 2 nội dung:

- Việc tổ chức, hỗ trợ của các khoa/bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo phân công chuyên môn.

- Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên của các đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm.

Kết quả được tổng hợp như sau:

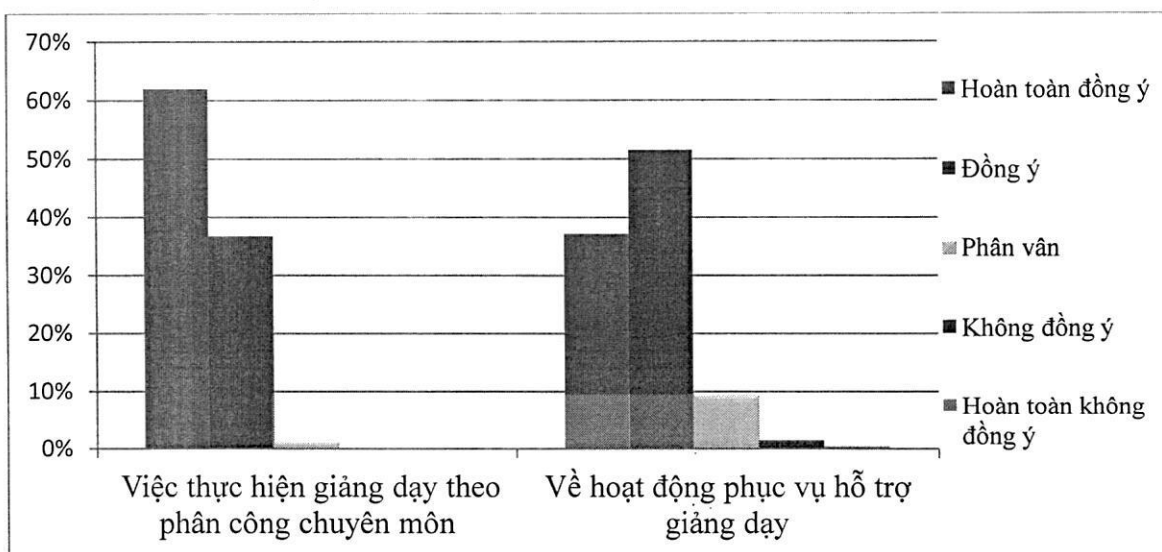
Bảng 3: Điểm trung bình Đánh giá của giảng viên theo các nội dung khảo sát

Đơn vị	Điểm trung bình theo nội dung khảo sát		Ghi chú
	Việc tổ chức, hỗ trợ của các khoa/bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo phân công chuyên môn	Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên của các đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm	
Khoa Kinh tế	4,57	4,38	
Khoa Sp TH– MN non	4,67	4,17	
Khoa Sư phạm trung học	4,75	4,28	
Khoa Ngoại ngữ- CNTT	4,41	4,39	
Bộ môn Tâm lý-GDTC	4,41	4,39	
Bộ môn Lý luận chính trị	4,77	4,15	
Trung tâm TVTB	4,67	4,16	
Phòng QLCL	4,65	4,45	
Trung tâm NNTH	4,41	4,39	
Khoa Văn hóa- Du lịch	4,78	4,45	
Toàn trường	4,61	4,32	

Từ bảng 3 cho thấy điểm trung bình mức độ trả lời các câu trả lời của các giảng viên đều ở mức cao từ 4,15 đến 4,78. Điểm trung bình toàn trường ở 2 nội dung khảo sát đều đạt mức cao 4,32 và 4,61.

Bảng 4: Đánh giá của giảng viên theo tỉ lệ % của từng nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Phân vân		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Ghi chú
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
Việc tổ chức, hỗ trợ của các khoa/bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo phân công chuyên môn	0	0%	0	0%	8	1.2%	243	36.8%	409	62.0%	
Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên của các đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm	5	0,4%	16	1.5%	103	9.4%	567	51.5%	409	37.2%	

Biểu đồ 1: Đánh giá của giảng viên theo tỉ lệ % của từng nội dung khảo sát

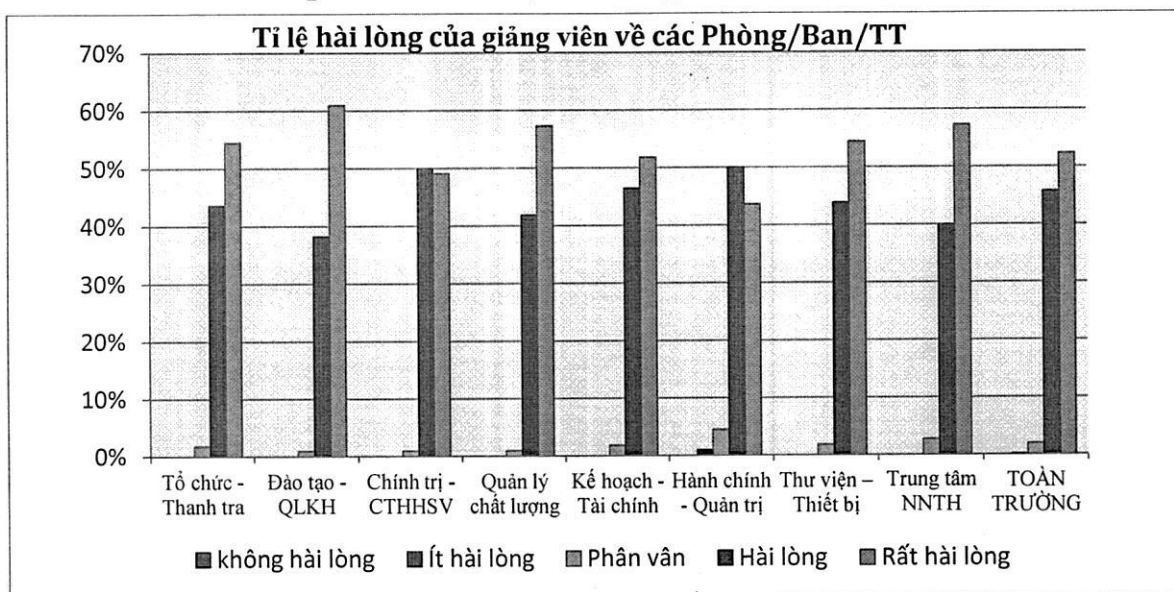
Từ kết quả Bảng 3, Bảng 4 và Biểu đồ 1 cho thấy mức độ đánh giá (Mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý) về các nội dung khảo sát đều được đa số các giảng viên đánh giá ở mức cao.

4.3 Nội dung khảo sát về sự hài lòng của giảng viên khi làm việc với các Phòng/Ban/TT.

Kết quả khảo sát được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 5: Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV về các Phòng/Ban/TT

Đơn vị	Không hài lòng		Ít hài lòng		Phân vân		Hài lòng		Rất hài lòng		Ghi chú
	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	
Tổ chức - Thanh tra	0	0%	0	0%	2	1,8%	48	43.6%	60	54,5%	
Đào tạo - QLKH	0	0%	0	0%	1	0.9%	42	38.2%	67	60.9%	
Chính trị và CTHSSV	0	0%	0	0%	1	0.9%	55	50%	54	49.1%	
Quản lý chất lượng	0	0%	0	0%	1	0.9%	46	41.8%	63	57,3%	
Kế hoạch - Tài chính	0	0%	0	0%	2	1.8%	51	46.4%	57	51.8%	
Hành chính - Quản trị	0	0%	1	0.9%	5	4.5%	56	50.0%	48	43.6%	
Thư viện – Thiết bị	0	0%	0	0%	2	1.8%	60	43.8%	48	54.5%	
Trung tâm NNTH	0	0%	0	0%	3	2.7%	44	40.0%	63	57.3%	
TOÀN TRƯỞNG	0	0%	1	0.1%	17	1.9%	402	45.7%	460	52.3%	

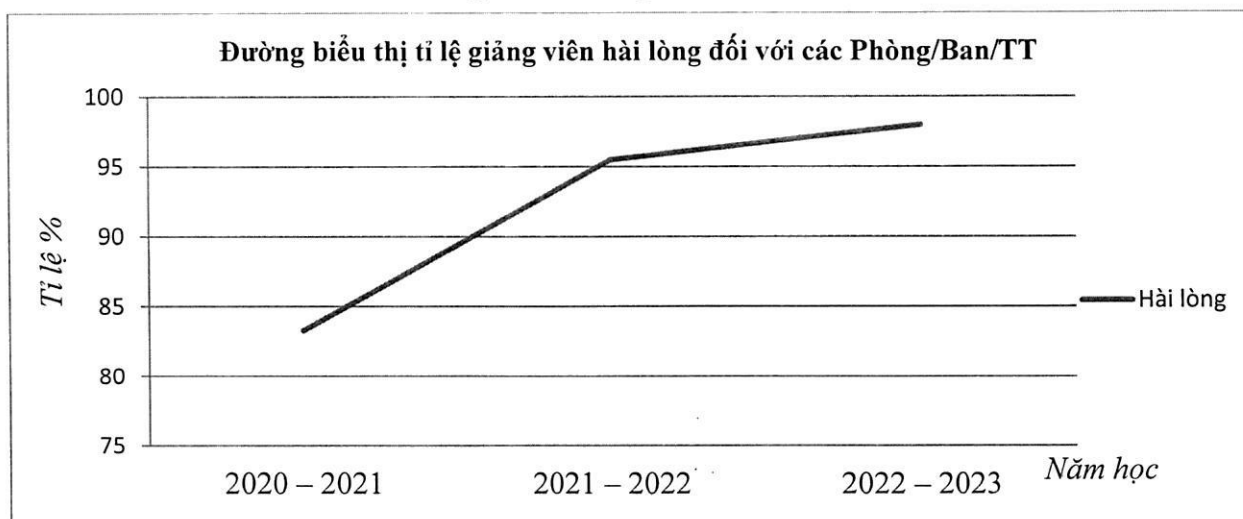
Biểu đồ 2: Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV về các Phòng/Ban/TT

Từ Bảng 5 và Biểu đồ 2, đa phần giảng viên hài lòng khi làm việc với các Phòng/Ban/TT. Tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đạt 98%, các mức đánh giá thấp chiếm tỉ lệ rất nhỏ.

Đối sánh tỷ lệ này trong 3 năm học đều được tăng dần, số liệu cụ thể được thể hiện qua bảng 6 và biểu đồ 3 như sau:

Bảng 6: Đối sánh mức độ đánh giá tỷ lệ hài lòng của giảng viên đối với các Phòng/Ban/TT qua các năm

Mức đánh giá	Năm học			Ghi chú
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
Hài lòng và Rất hài lòng	83.3%	95.5%	98%	

Biểu đồ 3: Mức độ đánh giá tỷ lệ hài lòng của giảng viên đối với các Phòng/Ban/TT qua các năm

5. Đánh giá chung về kết quả khảo sát

5.1. Ưu điểm

Đa phần giảng viên đều ý thức được trách nhiệm và tích cực đóng góp ý kiến phản hồi vào các nội dung về hoạt động hỗ trợ và phục vụ đào tạo các đơn vị trong trường. Thông tin phản hồi có ý nghĩa, cung cấp nguồn thông tin quan trọng cho cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Mức độ cải tiến chất lượng về sử dụng phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và hoạt động đánh giá kết quả học tập được giảng viên rất quan tâm, và đánh giá thể hiện qua tỷ lệ 98,8% giảng viên đánh giá mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý.

Những khó khăn trong công tác phối hợp giữa giảng viên và các đơn vị hỗ trợ, phục vụ giảng dạy trong trường được cải thiện, phù hợp với tình hình thực tế và được đánh giá cao dần qua các năm. Thể hiện ở tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng của giảng viên khi làm việc với các phòng, ban, trung tâm tăng lên (98%) so với của năm học trước (95.9%).

5.2. Tồn tại, hạn chế

- Vẫn còn một bộ phận nhỏ giảng viên ở một vài đơn vị chưa tích cực tham gia khảo sát.

- Một số nội dung khảo sát về: Phần mềm quản lý đào tạo, Phòng thí nghiệm, phòng máy tính, thư viện chưa được giảng viên đánh giá cao.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về hoạt động phục vụ, hỗ trợ đào tạo năm học 2022 – 2023. Yêu cầu các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và kết quả khảo sát có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ hoạt động đào tạo của Nhà trường trong năm học tới./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Tạ Hoàng Minh

Phụ lục 1: Việc tổ chức, hỗ trợ của các khoa/bộ môn đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên theo phân công chuyên môn

(Kèm theo Báo cáo số: 143 /BC-ĐHHL, ngày 29/06/2023 của Trường Đại học Hoa Lư)

Nội dung	Tổng số GV	Mức độ đánh giá thấp nhất	Mức độ đánh giá cao nhất	Giá trị trung bình
1. Thầy/ cô được chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần	110	3	5	4.62
2. Nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học học phần của thầy/cô có sự thống nhất.	110	3	5	4.56
3. Các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa học phần của sinh viên được các thầy/cô thông báo công khai, minh bạch cho sinh viên trước khi kết thúc học phần	110	4	5	4.76
4. Thầy/cô được chủ động sử dụng phương tiện học phù hợp trong hoạt động dạy học học phần của mình	110	3	5	4.61
5. Thầy/cô được hỗ trợ về chuyên môn từ Trường, Khoa, Tổ bộ môn	110	3	5	4.56
6. Thầy/cô hài lòng với việc phân công chuyên môn của đơn vị	110	3	5	4.53

Phụ lục 2: Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ giảng dạy cho giảng viên của các đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm

(Kèm theo Báo cáo số: 143 /BC-ĐHHL, ngày 29/06/2023 của Trường Đại học Hoa Lư)

Nội dung	Tổng số GV	Mức độ đánh giá thấp nhất	Mức độ đánh giá cao nhất	Giá trị trung bình
1. Các chế độ, chính sách (Lương, phụ cấp, phúc lợi, an sinh...), công tác thi đua, khen thưởng, các thủ tục thanh quyếtCác chế độ, chính sách (Lương, phụ cấp, phúc lợi, an sinh...), công tác thi đua, khen thưởng, các thủ tục thanh quyết.	110	2	5	4.36
2. Thầy/Cô được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn, học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.	110	2	5	4.41
3. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả của cán bộ phục vụ/phụ trách (văn thư, thư viên, phòng học, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm...)	110	2	5	4.12
4. Thầy/Cô được đáp ứng đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng máy...để phục vụ hoạt động giảng dạy]	110	2	5	4.25
5. Điều kiện phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng máy tính, mạng Internet, ...luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy	110	1	5	4.03
6. Thư viện của trường có đầy đủ và cập nhật về giáo trình tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học	110	1	5	4.12
7. Phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác.	110	1	5	3.87
8. Công tác tổ chức thi, chấm thi, quản lý bài thi hợp lý, đúng quy chế	110	2	5	4.46
9.Thầy/Cô được đảm bảo các điều kiện về an toàn, an ninh, môi trường và sức khỏe trong trường	110	2	5	4.36
10. Thầy/cô được tham gia vào các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường	110	2	5	4.37